

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIÊN YÊN  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31-8-2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN YÊN, TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Quang Độ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* bà Hà Thị Thu và bà Phạm Kim Cúc.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Hoàng Quỳnh Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** ông Bùi Xuân Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh A – sinh năm 1984.

Địa chỉ: thôn C, xã Đ, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt.

2. *Bị đơn:* chị B – sinh năm 1986.

Địa chỉ: thôn C, xã Đ, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2022, Toà án nhận ngày 01/4/2022, thụ lý ngày 25/4/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị B đăng ký kết hôn ngày 10/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn chưa ai có vợ, có chồng.

Sau khi kết hôn, anh và chị B chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có quan điểm sống không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, ngoài ra vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Vợ chồng đã nhiều lần nói

chuyện để khắc phục mâu thuẫn, hai bên nội ngoại cũng hoà giải cho vợ chồng nhiều lần nhưng không có kết quả.

Nay anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị B có 02 con chung là Trần Kim A, sinh ngày 08/02/2015 và Trần Bình M, sinh ngày 11/9/2019. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Trần Bình M, sinh ngày 11/9/2019 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Trần Kim A, sinh ngày 08/02/2015 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung: anh và chị B không có tài sản chung, không vay nợ chung với cơ quan, cá nhân hay tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/5/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn chị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn theo như anh A trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh A hạnh phúc, tuy cũng có những mâu thuẫn vợ chồng nhưng những mâu thuẫn đó không lớn, chị không vi phạm nghĩa vụ làm vợ, luôn làm tròn trách nhiệm người vợ, người mẹ, làm dâu trong gia đình. Việc anh A khởi kiện xin ly hôn với chị chủ yếu là do thời gian gần đây anh A nghe người ngoài đồn thổi về việc chị có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nhưng thực tế việc đó là không đúng. Hiện nay hai vợ chồng vẫn chung sống cùng nhau, không có thời gian sống ly thân. Mong muốn của chị là vợ chồng được đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc con cái và chị vẫn còn yêu thương chồng (anh A). Do đó, chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh A.

Về con chung: chị và anh A có 02 con chung là Trần Kim A, sinh ngày 08/02/2015 và Trần Bình M, sinh ngày 11/9/2019. Do chị không đồng ý ly hôn nên không có yêu cầu giải quyết về con. Nhưng nếu Tòa án có giải quyết ly hôn thì chị đồng ý để anh A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Tuy nhiên chị chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Trần Kim A; mức cấp dưỡng là 1.000.000đồng/tháng; thời điểm cấp dưỡng tính từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Kim A thành niên (đủ 18 tuổi) và không cấp dưỡng đối với con chung Trần Bình M.

Về tài sản chung: chị thống nhất về việc chị và anh A không có tài sản chung, không vay nợ chung với cơ quan, cá nhân hay tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã đến địa chỉ cư trú của anh A và chị B tại thôn C, xã Đ, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh để xác minh về mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị và được Trưởng thôn cung cấp thông tin: Anh A và chị B có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh A và chị B như thế nào thì địa phương không nắm rõ vì không nghe anh A và chị B báo gì với địa phương và

cũng không yêu cầu địa phương hoà giải mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị. Hiện nay anh chị vẫn chung sống cùng nhà cùng với hai con và bố mẹ đẻ của anh A tại địa phương.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 21/6/2022 của cháu Trần Kim A, sinh ngày 08/02/2015 là con chung của anh A và chị B thể hiện: Nếu anh A và chị B ly hôn cháu có nguyện vọng được ở cùng với anh A.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên tại phiên tòa:

Về tố tụng: trong quá trình từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn.

Về con chung và tài sản chung: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Sau khi nghiên cứu các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – anh A khởi kiện “về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn – chị B (Nơi cư trú: thôn C, xã Đ, huyện TY, tỉnh Quảng Ninh) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự do đó việc Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa anh A và chị B là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh A, Hội đồng xét xử thấy:

Nguyên đơn anh A yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn đối với chị B với lý do: Sau khi kết hôn (ngày 10/9/2014) vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ngoài ra không còn mâu thuẫn nào khác.

Còn bị đơn chị B cho rằng cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh A vẫn hạnh phúc, chị không vi phạm nghĩa vụ làm vợ, luôn làm tròn trách nhiệm người vợ, người mẹ, làm dâu trong gia đình. Nguyên nhân dẫn đến việc anh A yêu cầu ly hôn là do anh A nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, vì thời gian trước đây công tác tại bộ phận văn phòng của Ủy ban nhân dân xã Đ, nhưng

hiện nay chị đã xin chuyển về văn phòng Ủy ban nhân dân xã D (gần nhà), do làm công tác văn phòng chị cũng phải đi sớm về muộn nên anh A nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình, nhưng việc đó là không đúng và anh A không có chứng cứ gì chứng minh việc chị ngoại tình. Chị mong muốn được đoàn tụ gia đình để cùng anh A xây dựng gia đình hạnh phúc và chăm sóc con cái.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh A cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, vợ chồng có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã đến địa chỉ cư trú của anh A và chị B xác minh thì được biết mâu thuẫn giữa anh A và chị B như thế nào thì địa phương không nắm rõ vì không nghe anh A và chị B báo gì với địa phương và cũng không yêu cầu địa phương hoà giải mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị. Hiện nay anh chị vẫn chung sống cùng nhà cùng với hai con và bố mẹ đẻ của anh A tại địa phương. Đồng thời căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự cho thấy: anh A và chị B chung sống không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, chị B không vi phạm nghĩa vụ của người vợ, không làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không làm cho đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Để tạo điều kiện cho anh A có thời gian suy nghĩ và có quyết định chính xác đối với vấn đề hôn nhân của mình và để cho vợ chồng anh A, chị B gắn kết, xây dựng gia đình hạnh phúc, cùng nuôi dạy con chung và tạo điều kiện ổn định cho các con ăn học. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng anh A chị B chưa có hành vi bạo lực gia đình, chưa vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ, chồng, chưa làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh A.

[3] Về con chung và tài sản chung: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (anh A) nên yêu cầu về con chung, cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A về việc yêu cầu ly hôn đối với chị B.

2. Về án phí: anh A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012071 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Anh A đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tiên Yên;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Tiên Yên;
- UBND xã D, huyện Tiên Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quang Độ**

**Các Hội Thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hà Thị Thu – Phạm Thị Cúc**

**Nguyễn Quang Độ**